

Số: 585/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ
niên khóa 2018 – 2020 (Đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2020;

Căn cứ Biên bản họp ngày 10/3/2021 của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ; Xét đề nghị của Trường khoa Sau đại học. -

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2020 cho 140 học viên cao học niên khóa 2018-2020 (Đợt 1) của Trường Đại học Lao động - Xã hội, trong đó:

- Chuyên ngành Quản trị nhân lực: 89 học viên (*Chi tiết tại Phụ lục I*);
- Chuyên ngành Kế toán: 35 học viên (*Chi tiết tại Phụ lục II*);
- Chuyên ngành Công tác xã hội: 16 học viên (*Chi tiết tại Phụ lục II*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng khoa Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website Trường;
- Lưu: VT, K. SDH.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

Phụ lục I
DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHOA 8
ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

(Kèm theo Quyết định số: **585/QĐ-ĐHLĐXH** ngày **10 tháng 3** năm **2021** của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

TT	MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10	Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp
1	QT08001	Nguyễn Thị Khánh An	Nữ	11/10/1996	Hà Nội	K8QT2	7,4	8,6
2	QT08002	Hà Minh Anh	Nữ	17/09/1996	Hà Nội	K8QT2	7,0	8,5
3	QT08003	Nguyễn Phương Anh	Nữ	19/02/1996	Hà Nội	K8QT2	7,0	8,5
4	QT08005	Phạm Quang Anh	Nam	06/09/1992	Hà Nội	K8QT1	7,1	7,7
5	QT08007	Ngô Thị Minh Chi	Nữ	25/11/1989	Hà Nội	K8QT2	7,6	8,6
6	QT08008	Hoàng Việt Cường	Nam	12/07/1993	Hà Nội	K8QT2	6,7	8,5
7	QT08009	Lê Hiếu Cường	Nam	24/04/1982	Hải Phòng	K8QT2	7,6	8,5
8	QT08010	Phạm Thị Doan	Nữ	02/05/1984	Thái Bình	K8QT2	7,8	8,4
9	QT08011	Nguyễn Tư Duy	Nam	17/04/1990	Hòa Bình	K8QT2	8,0	8,5
10	QT08012	Nguyễn Công Định	Nam	30/09/1973	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,8
11	QT08013	Nguyễn Hương Giang	Nữ	07/10/1996	Quảng Ninh	K8QT2	7,4	8,5
12	QT08014	Nguyễn Sơn Hà	Nam	15/08/1996	Hà Nội	K8QT2	6,9	8,4
13	QT08015	Trần Thanh Ngân Hà	Nữ	13/03/1996	Quảng Ninh	K8QT2	7,8	8,8
14	QT08018	Đinh Thúy Hằng	Nữ	20/04/1992	Hòa Bình	K8QT2	6,8	8,5
15	QT08020	Hoàng Thu Hằng	Nữ	03/01/1996	Yên Bái	K8QT2	7,4	8,2
16	QT08021	Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	21/06/1995	Tuyên Quang	K8QT2	7,5	8,0
17	QT08022	Trần Minh Hằng	Nữ	15/12/1991	Nghệ An	K8QT2	7,3	8,6



TT	MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10	Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp
18	QT08023	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	10/12/1972	Hà Nội	K8QT2	8,0	8,8
19	QT08024	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	20/09/1984	Sơn La	K8QT2	7,4	8,6
20	QT08025	Đàm Ngọc Hiếu	Nam	17/04/1981	Cao Bằng	K8QT2	7,2	8,3*
21	QT08026	Nguyễn Đình Hoa	Nam	03/02/1969	Hà Nội	K8QT2	7,8	9,3
22	QT08027	Phạm Thanh Hoa	Nữ	02/07/1986	Hà Nội	K8QT1	7,6	8,5
23	QT08028	Lưu Thị Huệ	Nữ	29/12/1988	Hải Dương	K8QT2	7,7	8,5
24	QT08029	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	09/11/1994	Hưng Yên	K8QT2	7,1	8,4
25	QT08030	Trương Thị Huyền	Nữ	22/08/1996	Hà Tĩnh	K8QT1	7,1	8,5
26	QT08031	Đoàn Liên Hương	Nữ	08/11/1974	Hà Nội	K8QT2	7,4	8,8
27	QT08032	Nguyễn Thị Kiều Hương	Nữ	19/08/1987	Hà Nội	K8QT2	7,7	8,5
28	QT08033	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	27/08/1988	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,6
29	QT08034	Trần Diệu Hương	Nữ	14/10/1980	Hà Nội	K8QT2	7,7	8,6
30	QT08035	Lê Trần Lâm	Nam	12/10/1977	Hà Nội	K8QT2	7,3	8,5
31	QT08036	Hoàng Phương Linh	Nữ	19/12/1992	Hà Nội	K8QT2	7,8	8,5
32	QT08037	Ngô Nhật Linh	Nữ	18/06/1994	Hà Nội	K8QT2	7,1	8,3
33	QT08038	Nguyễn Phương Linh	Nữ	27/03/1994	Tuyên Quang	K8QT1	7,8	8,8
34	QT08039	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	29/08/1996	Hà Nội	K8QT2	7,8	8,6
35	QT08040	Nông Thị Linh	Nữ	14/07/1989	Cao Bằng	K8QT2	7,4	8,2
36	QT08041	Phạm Diệu Linh	Nữ	07/07/1993	Hà Nội	K8QT2	7,6	8,6
37	QT08042	Phạm Thị Khánh Linh	Nữ	30/07/1973	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,8
38	QT08043	Phùng Hải Linh	Nữ	17/09/1995	Hà Nội	K8QT2	7,6	8,8
39	QT08044	Thân Thị Lan Linh	Nữ	07/11/1987	Bắc Giang	K8QT2	7,9	8,8

TT	MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10	Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp
40	QT08045	Từ Hoàng Linh	Nữ	20/10/1995	Hà Nội	K8QT2	7,2	8,6
41	QT08046	Nguyễn Đức Long	Nam	08/10/1987	Hà Nội	K8QT2	7,2	8,5
42	QT08047	Vũ Hương Ly	Nữ	18/08/1996	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,6
43	QT08048	Vũ Thị Ly	Nữ	08/10/1984	Hà Nội	K8QT2	7,8	8,5
44	QT08049	Cát Kim Phương Mai	Nữ	09/10/1987	Hà Nội	K8QT2	7,4	8,8
45	QT08050	Đoàn Thị Ngọc Mai	Nữ	27/07/1996	Hà Nội	K8QT2	7,6	8,5
46	QT08051	Nguyễn Thị Mai	Nữ	01/08/1982	Hà Nội	K8QT2	7,6	9,5
47	QT08052	Lê Thị Nhật Mỹ	Nữ	19/07/1996	Lào Cai	K8QT2	7,2	8,6
48	QT08053	Đặng Nam	Nam	06/03/1994	Hà Nội	K8QT1	7,5	8,5
49	QT08054	Đinh Phương Nam	Nam	18/08/1993	Hà Nội	K8QT1	7,7	8,6
50	QT08055	Huỳnh Tuấn Nam	Nam	04/01/1971	Hà Nội	K8QT2	7,7	8,8
51	QT08056	Vì Quang Nam	Nam	12/06/1982	Hà Nội	K8QT1	8,0	8,6
52	QT08057	Nguyễn Thị Nền	Nữ	10/08/1983	Bắc Giang	K8QT1	8,8	9,4
53	QT08058	Chu Thị Ngân	Nữ	10/10/1985	Nghệ An	K8QT1	8,6	8,9
54	QT08059	Mai Thị Hoàng Ngân	Nữ	19/01/1993	Nam Định	K8QT2	7,6	8,6
55	QT08060	Nguyễn Thị Thủy Ngân	Nữ	13/03/1985	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,6
56	QT08061	Tổng Thị Ngân	Nữ	07/05/1985	Nam Định	K8QT1	8,0	8,7
57	QT08062	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	10/10/1993	Bình Định	K8QT1	7,2	8,5
58	QT08063	Trịnh Hồng Ngọc	Nữ	29/07/1994	Thái Bình	K8QT2	7,7	8,6
59	QT08064	Lê Thị Thanh Nhân	Nữ	25/07/1982	Hà Nội	K8QT2	8,4	8,8
60	QT08065	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	06/11/1994	Hòa Bình	K8QT2	7,9	8,5
61	QT08066	Nguyễn Thùy Nhung	Nữ	22/12/1990	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,5

TT	MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10	Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp
62	QT08067	Khúc Xuân	Nam	01/12/1995	Bắc Ninh	K8QT1	7,1	8,0
63	QT08069	Phạm Quang	Nam	01/08/1995	Nam Định	K8QT1	7,7	8,6
64	QT08070	Nguyễn Lan	Nữ	26/05/1994	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,6
65	QT08071	Nguyễn Thu	Nữ	07/09/1987	Phú Thọ	K8QT2	8,1	8,5
66	QT08072	Trí Thị	Nữ	04/05/1987	Hà Nội	K8QT2	8,1	8,6
67	QT08073	Trần Thị Kim	Nữ	05/01/1978	Hà Nội	K8QT2	7,5	8,8
68	QT08074	Ngô Quý	Nam	07/10/1983	Bắc Giang	K8QT1	8,1	8,6
69	QT08075	Vũ Đức	Nam	28/08/1982	Hà Nội	K8QT1	7,4	8,8
70	QT08076	Trần Hồng	Nữ	01/10/1986	Thái Bình	K8QT1	8,1	8,6
71	QT08077	Trần Thị	Nữ	20/12/1990	Phú Thọ	K8QT2	7,9	8,6
72	QT08078	Lê Trung	Nam	13/10/1986	Lào Cai	K8QT2	7,3	8,8
73	QT08079	Nguyễn Trung	Nam	23/02/1996	Hải Dương	K8QT1	7,2	8,4
74	QT08080	Hồ Thị	Nữ	29/01/1992	Nghệ An	K8QT2	7,7	8,6
75	QT08081	Nguyễn Phương	Nữ	07/09/1995	Hà Nội	K8QT2	7,6	8,6
76	QT08082	Nguyễn Thị	Nữ	19/01/1986	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,5
77	QT08083	Phạm Thanh	Nữ	24/10/1996	Hà Nội	K8QT1	7,6	8,5
78	QT08084	Trần Nguyễn	Nữ	20/11/1994	Nam Định	K8QT1	8,4	8,6
79	QT08085	Chu Mạnh	Nam	23/07/1987	Bắc Giang	K8QT2	7,5	8,5
80	QT08086	Lâm Đức	Nam	03/10/1993	Nam Định	K8QT2	7,3	8,8
81	QT08087	Cán Xuân	Nam	22/03/1984	Hà Nội	K8QT2	7,0	8,8
82	QT08089	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	25/11/1979	Quảng Bình	K8QT2	7,9	8,6
83	QT08090	Lã Thùy	Nữ	30/03/1996	Lai Châu	K8QT2	7,6	8,6

TT	MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10	Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp
84	QT08091	Lê Thị Huyền	Nữ	10/04/1995	Vĩnh Phúc	K8QT1	7,9	8,5
85	QT08092	Lê Thị Kiều	Nữ	06/04/1991	Phú Thọ	K8QT1	8,4	8,6
86	QT08094	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	15/04/1993	Thái Bình	K8QT2	7,4	8,4
87	QT08095	Hoàng Thanh Tú	Nữ	06/10/1988	Hà Nội	K8QT2	7,1	8,6
88	QT08098	Kiều Thị Vang	Nữ	11/02/1985	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,6
89	QT08099	Bùi Tường Vân	Nữ	03/12/1993	Hà Nội	K8QT2	7,9	8,6

Danh sách này gồm có: 89 học viên./.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hà Xuân Hùng